

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Ly hôn thụ lý số 90/2024/TLST/HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh **Liều Văn T**, sinh năm 1996.

Trú tại: **Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.**

- **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị Mai L**, sinh năm 2002.

Trú tại: **Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình; Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468 BLDS; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTWQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23/5/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Liều Văn T** và chị **Nguyễn Thị Mai L**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về **quan hệ vợ chồng**: Anh **Liều Văn T** và chị **Nguyễn Thị Mai L** đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

**2.2. Về con chung:** Hai bên thỏa thuận giao cháu **Nguyễn Minh C**, sinh ngày 16/10/2021 cho chị **Nguyễn Thị Mai L** trực tiếp nuôi dưỡng; Anh **T** có trách nhiệm đóng góp tiếp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **L** mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu **C** tròn 18 tuổi. Anh **T** có quyền đi lại thăm con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị **L** có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trợ cấp nuôi con, nếu anh **T** không tự nguyện thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Vì quyền lợi của cháu **Nguyễn Minh C**. Anh **T** với chị **L** có quyền xin thay đổi nuôi con chung sau khi ly hôn.

**2.3. Tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không nợ ai và không cho ai nợ.

**2.4. Án phí:** Anh **T** nhận nộp tiền 150.000đ án phí LHST và 150.000đ án phí DSST về trợ cấp nuôi con vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo biên lai số 0003815 ngày 13/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Bình;
- UBND xã Tân Khánh;
- Lưu HS, VP, BP.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Quang Thái**

